

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 01 – 2026
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Sáu

Ông Huỳnh Tài Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Tào Diệu Như, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lào, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 230/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Mộng T, sinh ngày 29/9/1993. Căn cước công dân số: 095193007007 cấp ngày 14/8/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp N, xã V, tỉnh Cà Mau (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- Bị đơn: Anh Trương Văn N, sinh ngày 12/02/1991. Địa chỉ: Ấp N, xã V, tỉnh Cà Mau (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 10 năm 2025, Biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lâm Thị Mộng T trình bày:

Chị Lâm Thị Mộng T và anh Trương Văn N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ngày

27/3/2012, chị T và anh N kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (cũ). Trong quá trình chung sống với nhau chị T và anh N có hai người con chung tên Trương Lâm Khả Á, sinh ngày 16/11/2011 và Trương Trọng K, sinh ngày 15/01/2016. Hiện nay, hai cháu Trương Lâm Khả Á và Trương Trọng K đang sống cùng với anh Trương Văn N. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh N không thể tiếp tục nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Mộng T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Trương Văn N.

Về con chung: Hiện nay, hai cháu Á và cháu K đang sống cùng với anh Trương Văn N. Mặt khác, nguyện vọng của hai cháu Á và cháu K muốn sống cùng với anh N nên sau khi ly hôn, chị T đồng ý giao cháu Á và cháu K cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn N: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Trương Văn N đến Tòa án làm việc, nhưng anh N không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị Mộng T cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến. Mặt khác, Tòa án có đến nhà ghi ý kiến nhưng không có anh N ở nhà (Tòa án lập Biên bản không ghi nhận được ý kiến của anh N ngày 21/11/2025). Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Lâm Thị Mộng T cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Mộng T, cho chị Lâm Thị Mộng T được ly hôn với Trương Văn N.

Về con chung: Chị T và anh N có hai người con chung tên Trương Lâm Khả Á, sinh ngày 16/11/2011 và Trương Trọng K, sinh ngày 15/01/2016. Hiện nay, hai cháu Trương Lâm Khả Á và Trương Trọng K đang sống cùng với anh Trương Văn N. Mặt khác, nguyện vọng của hai cháu Á và cháu K muốn sống cùng với anh N và chị T cũng đồng ý giao cháu Á và cháu K cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Nên sau khi ký hôn, anh N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Á và cháu K.

Về cấp dưỡng: Chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lâm Thị Mộng T yêu cầu ly hôn với Trương Văn N và hiện nay anh Trương Văn N đang cư trú tại ấp N, xã V, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lâm Thị Mộng T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Trương Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Trương Văn N vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lâm Thị Mộng T và anh Trương Văn N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lâm Thị Mộng T và anh Trương Văn N kết hôn vào ngày 27/3/2012, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (cũ) nên hôn nhân giữa chị Lâm Thị Mộng T và anh Trương Văn N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Lâm Thị Mộng T yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn N với lý do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị T và anh N đã tự chấm dứt quan hệ chung sống với nhau và sống ly thân với nhau cách nay 01 năm cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T và anh N không có gặp gỡ trực tiếp với nhau và cũng không có liên lạc với nhau bằng điện thoại nên không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 21 tháng 11 năm 2025 (Bút lục số 34-35), Trưởng ấp N, xã V, tỉnh Cà Mau xác định chị T và anh N đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh N thực tế đã phát sinh mâu thuẫn, không thể giải quyết, cuộc sống chung giữa chị T và anh N đã không còn và không thể duy trì. Điều này cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh N đã không còn có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh N.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, chị T và anh N có hai người con chung tên Trương Lâm Khả Á, sinh ngày 16/11/2011 và Trương Trọng K, sinh ngày 15/01/2016. Hiện nay, hai cháu Trương Lâm Khả Á và Trương Trọng K đang sống cùng với anh N. Mặt khác, căn cứ biên bản ghi nhận ý kiến của các cháu (Bút lục số 32 - 33) thì nguyện vọng của hai cháu Á và cháu K muốn sống cùng với anh N, đồng thời, chị T cũng đồng ý giao cháu Á và cháu K cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Nên sau khi ly hôn, anh N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Á và cháu K.

Buộc chị Lâm Thị Mộng T giao cháu Trương Lâm Khả Á, sinh ngày 16/11/2011 và cháu Trương Trọng K, sinh ngày 15/01/2016 cho anh Trương Văn N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/01/2026.

Chị Lâm Thị Mộng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con

cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị Mộng T; Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình không có giá ngạch, chị Lâm Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng. Chị Lâm Thị Mộng T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004177 ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Mộng T. Cho chị Lâm Thị Mộng T được ly hôn với anh Trương Văn N.

2. Về con chung: Anh Trương Văn N đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Lâm Khả Á, sinh ngày 16/11/2011 và cháu Trương Trọng K, sinh ngày 15/01/2016 nên được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trương Lâm Khả Á và cháu Trương Trọng K.

Buộc chị Lâm Thị Mộng T giao cháu Trương Lâm Khả Á, sinh ngày 16/11/2011 và cháu Trương Trọng K, sinh ngày 15/01/2016 cho anh Trương

Văn N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/01/2026

Chị Lâm Thị Mộng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Chị Lâm Thị Mộng T và anh Trương Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Lâm Thị Mộng T và anh Trương Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Lâm Thị Mộng T và anh Trương Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình không có giá ngạch, chị Lâm Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Lâm Thị Mộng T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004177 ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Kiều Anh

